

Số: 03/2021/QĐST-DS

K, ngày 14 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 06 tháng 5 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 05/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng N (tên viết tắt là A); địa chỉ: Số 02 đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T; chức vụ: Tổng Giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn C; chức vụ: Trưởng phòng Khách hàng, hộ sản xuất và cá nhân (Theo Giấy ủy quyền số 1457/NHNo.BHP-KTNB(PC) ngày 13/11/2020).

- *Bị đơn*: Ông Trần Hữu D và bà Đỗ Thị C; ĐKKHKT: Tổ 9 Khu 6 phường L, huyện B, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Khu 6, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng; người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Trần Hữu H, sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ K 2, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng (theo Giấy ủy quyền ngày 12/4/2021).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về giao kết và thực hiện hợp đồng: Ngân hàng N và ông Trần Hữu D và bà Đỗ Thị C có ký các hợp đồng tín dụng: 2111-LAV-201300720 ngày 24/12/2013, 2111-LAV-201400703 ngày 24/12/2014, 2111-LAV-201500724 ngày 24/12/2015, cụ thể như sau:

- Số tiền cho vay theo Hợp đồng tín dụng số **2111-LAV-201300720**: 300.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm triệu đồng); mục đích vay vốn: Vay vốn trung hạn để sửa chữa nhà ở, mua sắm nội thất tại địa chỉ Tổ 5, khu 6, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng; ngày giải ngân: Ngày 25/12/2013, số tiền 300.000.000 đồng; phương thức giải ngân: Chuyển khoản; thời hạn vay vốn: 60 tháng; trả nợ gốc, lãi: Hàng tháng vào ngày 25; lãi suất tại thời điểm cho vay: 12,5 %/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

- Số tiền cho vay theo Hợp đồng tín dụng số **2111-LAV-201400703** ngày 24/12/2014: 700.000.000 đồng (Bằng chữ: Bảy trăm triệu đồng) ; mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ thu gom nhựa phế liệu, xay nghiền nhựa phế liệu tại khu dân cư số 6 T, K, thành phố Hải Phòng ; ngày giải ngân: Ngày 24/12/2014 số tiền giải ngân 200.000.000 đồng, ngày 27/12/2014 số tiền giải ngân 200.000.000 đồng và ngày 11/11/2015 số tiền giải ngân 300.000.000 đồng.

- Số tiền cho vay theo Hợp đồng tín dụng số **2111-LAV-201500724** ngày 24/12/2015: 700.000.000 đồng (Bằng chữ: Bảy trăm triệu đồng). Bao gồm toàn bộ dư nợ của hợp đồng 2111-LAV-201400703 ngày 24/12/2014. ; mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ thu gom nhựa phế liệu, xay nghiền nhựa phế liệu tại khu dân cư số 6 T, K, thành phố Hải Phòng. ; ngày giải ngân: Ngày 25/12/2015 số tiền giải ngân 200.000.000 đôn, và ngày 25/12/2015 số tiền giải ngân 200.000.000.

Để đảm bảo các khoản vay trên Ngân hàng N và ông Trần Hữu D và bà Đỗ Thị C có ký các hợp đồng thế chấp tài sản:

Tài sản thế chấp thứ nhất: Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 4492/HĐTC/2013 ngày 25/12/2013 ký giữa A Chi nhánh quận H (nay là A Chi nhánh B) với bên thế chấp tài sản là ông Trần Hữu D và vợ là bà Đỗ Thị C; tài sản thế chấp: Quyền sử dụng 265,94 m² đất tại thửa đất số: 284-01; tờ bản đồ số: 16 (300591-1-a) cùng ngôi nhà 01 tầng, mái ngói đỏ, diện tích 55,80 m² tại địa chỉ Tổ 06, khu dân cư số 06, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng. Tài sản thế chấp còn bao gồm cả phần sửa chữa, cải tạo xây dựng thêm trên diện tích 265,94 m² đất. Giấy tờ tài sản thế chấp: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 155518, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00145/TR.M do UBND quận K, thành phố Hải Phòng cấp ngày 08/05/2007 cho chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất là ông Trần Hữu D. Giá trị tài sản thế chấp: 1.040.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ không trăm bốn mươi triệu đồng).

Tài sản thế chấp thứ 2: Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 1823/HĐTC/2014 ngày 08/05/2014 ký giữa A Chi nhánh quận H (nay là A Chi nhánh B) với bên thế chấp tài sản là ông Trần Hữu D và vợ là bà Đỗ Thị C; tài sản thế chấp: Quyền sử dụng 98,28 m² đất tại thửa đất số: 261-02; tờ bản đồ số: TM-16(300591-1-a) cùng toàn bộ tài sản đã, đang và sẽ hình thành trong tương lai được xây dựng trên diện tích 98,28 m² đất thuộc thửa đất nêu trên tại địa chỉ: Tô dân phố K 2, P. T, Q. K, Hải Phòng; giấy tờ tài sản thế chấp: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BM 393669, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00017/TM do UBND quận K, thành phố Hải Phòng cấp ngày 03/04/2014 cho chủ sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất là ông Trần Hữu D và bà Đỗ Thị C; giá trị tài sản thế chấp: 402.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm linh hai triệu đồng).

2.2. Về trách nhiệm trả nợ: Tính đến ngày 05/5/2021, ông Trần Hữu D và bà Đỗ Thị C còn nợ Ngân hàng N số tiền là 1.591.278.472 đồng (*Một tỷ năm trăm chín mươi một triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn bốn trăm bảy mươi hai đồng*). Trong đó: tiền gốc là 875.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 496.363.194 đồng, tiền lãi quá hạn là 219.915.278 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa trả theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Cụ thể theo từng hợp đồng tín dụng:

- Đối với Hợp đồng tín dụng: 2111-LAV-201300720 ngày 24/12/2013: Tính đến ngày 05/5/2021 còn nợ số tiền là 314.799.306 đồng (*Ba trăm mười bốn triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn ba trăm linh sáu đồng*). Trong đó: tiền gốc là 175.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 102.934.028 đồng, tiền lãi quá hạn là 36.865.278 đồng.

- Đối với Hợp đồng tín dụng: 2111-LAV-201400703 ngày 24/12/2014: Tính đến ngày 05/5/2021 còn nợ số tiền là 548.237.500 đồng (*Năm trăm bốn mươi tám triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng*). Trong đó: tiền gốc là 300.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 168.612.500 đồng, tiền lãi quá hạn là 79.625.000 đồng.

- Đối với Hợp đồng tín dụng: 2111-LAV-201500724 ngày 24/12/2015: Tính đến ngày 05/5/2021 còn nợ số tiền là 728.241.666 đồng (*Bảy trăm hai mươi tám triệu hai trăm bốn mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng*). Trong đó: tiền gốc là 400.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 224.816.666 đồng, tiền lãi quá hạn là 103.425.000 đồng.

2.3. Về phương thức trả nợ:

Ông Trần Hữu D và bà Đỗ Thị C cam kết sẽ trả hết nợ cho Ngân hàng N trong thời hạn 03 tháng tính từ ngày 06/5/2021 đến hết ngày 05/8/2021.

2.4. Về tài sản bảo đảm: Trường hợp ông Trần Hữu D và bà Đỗ Thị C vi phạm bất cứ thỏa thuận nào về thời hạn trả nợ, số tiền trả nợ theo thỏa thuận nêu trên cho Ngân hàng N có quyền đề nghị Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng N là:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là 265,94 m² đất tại thửa đất số: 284-01; tờ bản đồ số: 16 (300591-1-a), tại Tô K 2 (cũ là Tô 06, khu dân cư số 06), phường T, quận K, thành phố Hải Phòng, đã được Ủy ban nhân dân quận K,

thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 155518, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00145/TR.M ngày 08/05/2007 cho ông Trần Hữu D.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là 98,28 m² đất tại thửa đất số: 261-02; tờ bản đồ số: TM-16(300591-1-a), tại tổ dân phố K 2, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng, đã được Ủy ban nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BM 393669, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00017/T.M ngày 03/04/2014 cho ông Trần Hữu D và bà Đỗ Thị C.

Trường hợp sau khi phát mại xong tài sản thế chấp mà vẫn chưa đủ thu nợ, ông Trần Hữu D và bà Đỗ Thị C phải tiếp tục trả đủ số tiền còn thiếu.

2.5. Về án phí: Ông Trần Hữu D và bà Đỗ Thị C nhận nộp cả 29.869.000 đồng (*Hai mươi chín triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 28.848.000 đồng (*Hai mươi tám triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015202 ngày 15/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Hải Phòng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận K;
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận K;
- Lưu: HS, VT.

THẨM PHÁN

Cao Đăng Trình